TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2018/DS-PT
Ngày: 05/02/2018
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm*:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: **Ông Lê Ngọc Tường**
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh
Bà Trần Thị Kim Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Hồ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2018 và ngày 05/02/2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công kNguyễn Thị H1 vụ án thụ lý số 681/2017/TLPT-DS ngày 24/11/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2018/QĐXXPT-DS ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1960 (có mặt)
Địa chỉ: đường V, phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện hợp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: đường B, tổ S, khu phố B, phường T, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1(T1), sinh năm 1950 (vắng mặt)
Thường trú: Đường G, ấp B, xã X, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: đường S, phường B, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: đường S, phường B, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường S, phường B, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh

Người kháng cáo: Bà Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H ngày 11/8/2016 và bản tự kNguyễn Thị H1 của bà Huỳnh Thị N là người đại diện theo ủy của nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị H có cho bà Nguyễn Thị H1 vay số tiền tổng cộng là 550.000.000 đồng, cụ thể ngày 17/12/2010 là 120.000.000 đồng và ngày 20/12/2011 là 430.000.000 đồng. Đến ngày 18/3/2016, bà Nguyễn Thị H1 làm giấy xác nhận nợ, không có thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất vay.

Số tiền bà Bùi Thị H cho bà Nguyễn Thị H1 vay là do bà Bùi Thị H đi vay của Ngân hàng và cho bà Nguyễn Thị H1 vay lại với lãi suất là 13,5%/năm (tương đương 1,1%/tháng). Thời gian đầu bà Nguyễn Thị H1 gửi tiền lãi cho bà Bùi Thị H đóng lãi cho Ngân hàng và hẹn 02 tháng trả luôn nợ gốc nhưng sau đó bà Nguyễn Thị H1 không đóng lãi nữa nên bà Bùi Thị H phải thanh toán lãi cho Ngân hàng đến ngày 07/01/2016 là 67.930.000 đồng, từ ngày 07/01/2016 đến ngày bà Bùi Thị H khởi kiện bà Nguyễn Thị H1 nợ lãi là 43.312.500 đồng, tổng cộng lãi là 111.242.500 đồng.

Bà Bùi Thị H đã gửi thông báo đòi nợ bà Nguyễn Thị H1, hết thời hạn bà Bùi Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 thanh toán nhưng bà Nguyễn Thị H1 không trả lời, nên bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền tổng cộng vốn và lãi là 661.242.500 đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự kNguyễn Thị H1 ngày 14/11/2016, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Số nợ mà thiếu của bà Bùi Thị H là con tôi nợ chứ tôi không có nợ. Tôi có nói với bà Bùi Thị H, tôi có thì tôi cho con tôi trả nợ cho bà Bùi Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để ông Ngà tham gia phiên tòa nhưng ông Ngà vắng mặt không lý do.

Tại bản án sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 07/6/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 đã Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1(T1), về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị H1có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H tổng cộng số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng), theo giấy xác nhận vay nợ ngày 18/3/2016 được giao kết giữa bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị Nguyễn Thị H1.

Cách thức thanh toán: Bà Nguyễn Thị H1có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng số tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) nêu trên cho bà Bùi Thị H làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H1chậm thanh toán khoản tiền 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) nêu trên, thì hàng tháng bà Nguyễn Thị H1còn phải trả lãi cho bà Bùi Thị H đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

1.2. Không chấp nhận số tiền lãi suất vay là 178.800.000 đồng (một trăm bảy mươi tám triệu tám trăm ngàn đồng) theo yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H đối với bà Nguyễn Thị H1 trên số tiền nợ gốc 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị H1phải chịu án phí dân sự là 26.000.0000 đồng; bà Nguyễn Thị H1 phải nộp số tiền án phí 26.000.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự là 8.940.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.224.850 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0003792 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị H được nhận lại 6.284.850 đồng.

3. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/6/2017, nguyên đơn bà Bùi Thị H nộp đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Bùi Thị H kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị H1trả lãi suất trên số tiền 550.000.000 đồng, tính từ ngày 04/7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 32 tháng, lãi suất 1,1%/tháng là 197.867.000 đồng. Căn cứ giấy xác nhận tiền lãi do bà H2 (T2) là con của bà Nguyễn Thị H1 xác nhận ngày 07/01/2016. Đồng thời, thực tế việc cho mượn tiền là có tính lãi là 13,5%/năm, bà Nguyễn Thị H1 đã trả lãi đến ngày 04/7/2014 là 43.000.000 đồng.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị H1ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh T đại diện đồng ý trả cho bà Bùi Thị H số tiền vốn 550.000.000 đồng và đồng ý trả lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhưng được trừ số tiền lãi bà Nguyễn Thị H1 trả trước từ tháng 01/2005 đến tháng 11/2011 là 28.800USD và từ cuối tháng 8/2011 đến đầu năm 2016 là 86.400.000 đồng và số tiền 361.000.000 đồng là gói hàng nữ trang đã giao cho bà Bùi Thị H.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời các đương sự trong vụ án đã được thực hiện các quyền và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Căn cứ tờ giấy do bà Nguyễn Thị H1 xác nhận ngày 18/3/2016 và tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho bà T2 đại diện xác nhận bà Nguyễn Thị H1 đã nhận được thông báo của bà Bùi Thị H yêu cầu trả số tiền 550.000.000 đồng và thừa nhận việc vay mượn tiền giữa bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị H1 có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng đến năm 2011 thì giảm xuống còn 1,9%/tháng. Từ khi bà Nguyễn Thị H1 xác nhận nợ theo giấy ngày 18/3/2016 thì bà Nguyễn Thị H1 không có trả nợ vốn và lãi cho bà Bùi Thị H. Như vậy, xác định việc vay mượn số tiền 550.000.000 đồng giữa bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị H1 có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Do đó, bà Bùi Thị H kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả lãi suất là 1,1%/tháng là có căn cứ.

Xét, tờ giấy do bà Nguyễn Thị H1ký tên xác nhận ngày 18/3/2016, bà Nguyễn Thị H1 chốt lại số nợ và sang sổ nợ bà Bùi Thị H 550.000.000 đồng và bà Bùi Thị H căn cứ giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị H1 ngày 18/3/2016 để khởi kiện. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho bà T2 đại diện trình bày, trước ngày 18/3/2016 bà Nguyễn Thị H1 đã trả lãi cho bà Bùi Thị H đầy đủ nên mới chốt nợ và sang sổ. Như vậy, tiền lãi được tính từ ngày 18/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, bà Bùi Thị H kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả tiền lãi tính từ ngày 04/7/2014 là không có căn cứ.

Bị đơn yêu cầu được trừ số tiền lãi bà Nguyễn Thị H1 trả trước từ tháng 01/2005 đến tháng 11/2011 là 28.800USD và từ cuối tháng 8/2011 đến đầu năm 2016 là 86.400.000 đồng và gói hàng nữ trang đã giao cho bà Bùi Thị H trị giá là 361.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả tiền lãi của số tiền nêu trên, đồng thời bà Bùi Thị H không thừa nhận bà Nguyễn Thị H1 đã trả lãi của số tiền 550.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của bị đơn là không có căn cứ.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị H1 trên 60 tuổi, là người cao tuổi, nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H1 theo quy định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền vốn 550.000.000 đồng và tiền lãi suất 1,1%/tháng trên số tiền 550.000.000 đồng, tính từ ngày 18/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ Nguyễn Thị H1 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 296 Bộ luật

tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2] Theo tờ giấy không ghi tiêu đề do bà Nguyễn Thị H1ký tên ngày 18/3/2016 có nội dung: Ngày 17/12/2010 và ngày 20/12/2011 tôi Nguyễn Thị H1có mượn của bà Bùi Thị H 430.000.000 đồng và 120.000.000 đồng, tổng cộng 550.000.000 đồng, sang sổ ngày 18/3/2016 (bút lục số 69).

[3] Án sơ thẩm, căn cứ vào tờ giấy do bà Nguyễn Thị H1 xác nhận ngày 18/3/2016 để buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền vốn là 550.000.000 đồng là có căn cứ. Đồng thời, các đương sự không kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân không kháng nghị phần này nên có hiệu lực thi hành.

[4] Xét tờ giấy không ghi tiêu đề do bà Nguyễn Thị H1 ký tên ngày 18/3/2016 không thể hiện có thỏa thuận lãi suất và không thỏa thuận kỳ hạn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho bà T2 đại diện xác nhận bà Nguyễn Thị H1 đã nhận được thông báo của bà Bùi Thị H yêu cầu trả số tiền 550.000.000 đồng và thừa nhận việc vay mượn tiền giữa bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị H1 có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng đến năm 2011 thì giảm xuống còn 1,9%/tháng. Từ khi bà Nguyễn Thị H1 xác nhận nợ theo giấy ngày 18/3/2016 thì bà Nguyễn Thị H1 không có trả nợ vốn và lãi cho bà Bùi Thị H. Như vậy, xác định việc vay mượn tiền giữa bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị H1 có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị H thừa nhận cho bà Nguyễn Thị H1 vay tiền với lãi suất như bị đơn trình bày. Nay bà Bùi Thị H chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả lãi suất là 1,1%/tháng không vượt quá 150% là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, bà Bùi Thị H kháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả lãi trên số tiền 550.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận.

[5] Bà Bùi Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 trả lãi suất của số tiền 550.000.000 đồng, từ ngày 04/7/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 197.867.000 đồng, là không có căn cứ, bởi vì theo tờ giấy do bà Nguyễn Thị H1ký tên xác nhận ngày 18/3/2016 bà Nguyễn Thị H1 chốt lại số nợ và sang sổ nợ bà Bùi Thị H 550.000.000 đồng và bà Bùi Thị H căn cứ giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị H1 ngày 18/3/2016 để khởi kiện. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho bà T2 đại diện trình bày, trước ngày 18/3/2016 bà Nguyễn Thị H1 đã trả lãi cho bà Bùi Thị H đầy đủ nên mới chốt nợ và sang sổ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị H và tính lãi của số tiền 550.000.000 đồng từ ngày 18/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/6/2017 (14 tháng 20 ngày), cụ thể là 550.000.000 đồng x 1,1% x 14 tháng 20 ngày = 88.733.333 đồng.

Như vậy, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền vốn là 550.000.000 đồng và tiền lãi là 88.733.333 đồng = 683.733.333 đồng.

[6] Bà Nguyễn Thị H1 ủy quyền cho bà T2 đại yêu cầu trừ số tiền lãi do bà Nguyễn Thị H1 đã trả từ tháng 01/2005 đến tháng 11/2011 là 28.800USD; từ

cuối tháng 8/2011 đến đầu năm 2016 là 86.400.000 đồng và gói hàng nữ trang đã giao cho bà Bùi Thị H tương đương số tiền 361.000.000 đồng vào trong số tiền lãi của số tiền vốn 550.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã trả lãi nêu trên cho bà Bùi Thị H. Đồng thời, bà Bùi Thị H không thừa nhận bà Nguyễn Thị H1 đã trả lãi số tiền nêu trên và bà Bùi Thị H cho rằng, tất cả các khoản nợ khác trước đây đã được bà Nguyễn Thị H1 thanh toán xong. Ngoài ra, sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị H1 không kháng cáo bản án sơ thẩm. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị H1 là không có căn cứ.

[7] Đối với phần quyết định của bản án tuyên nghĩa vụ chậm thực hiện thi hành án lãi suất 10%/năm là không cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị H. Sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị H số tiền vốn là 550.000.000 đồng và tiền lãi 1,1%/tháng, tính từ 18/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 07/6/2017. Đồng thời, bà Nguyễn Thị H1 là người cao tuổi, nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H1, là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 phải chịu trên số tiền phải trả cho bà Bùi Thị H. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1950 trên 60 tuổi nên là người cao tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Nguyễn Thị H1 theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Bùi Thị H phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu lãi suất không được chấp nhận một phần là 109.133.667 đồng, nên phải chịu án phí là 109.133.667 đồng x 5% = 5.456.683 đồng.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà Bùi Thị H không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471; Điều 474; khoản 1 Điều 476; khoản 2 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; và khoản 2 Điều 29 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị H.

2. Sửa bản án số 134/2017/DS-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H1có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị H số tiền tổng cộng là 683.733.333đ (sáu trăm tám mươi ba triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng) [trong đó tiền vốn 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 88.733.333đ (tám mươi tám triệu bảy trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng)].

Kể từ ngày bà Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị H1 chưa thi hành án khoản tiền nêu trên cho bà Bùi Thị H thì bà Nguyễn Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.2.1. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H1.

2.2.2. Bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự là 5.456.683đ (năm triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.224.850đ (mười lăm triệu Nguyễn Thị H1 trăm Nguyễn Thị H1 mươi bốn ngàn tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AD/2014/0003792 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Bùi Thị H được nhận lại 9.768.167đ (chín triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị H không phải chịu. Hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm nộp án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0027793 ngày 16/6/2017 và số 0028402 ngày 22/11/2017 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận 6;
- TAND Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu (T/.17)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường